

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2025

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hường

Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký viên, Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Cẩm H, sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, tỉnh Cà Mau, đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã K, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Cẩm H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống chung, vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân trên 10 năm nay, không có liên lạc gì. Nay, bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có chung 02 người con chung là Lê Huỳnh N, sinh ngày 18/7/2005 (giới tính: Nữ) và Lê Trần V, sinh ngày 17/12/2008 (giới tính: Nam), hiện cháu N đã trưởng thành, nên không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng, còn cháu V hiện đang sống chung với ông T. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu V cho ông T nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Bà không có yêu cầu.

Nay bà H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn ông Lê Văn T: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn là bà Trần Cẩm H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên, là phù hợp.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Được xác định là tranh chấp về Ly hôn, bị đơn là ông Lê Văn T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã K, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn số 755/2025/TLKH-BS ngày 11/8/2025 do Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Cà Mau cung cấp, thể hiện bà H và ông T có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2009. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Cẩm H và ông Lê Văn T được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, bà H xác định hôn nhân giữa bà và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T, đối với ông T vắng mặt, tại Đơn vắng mặt ngày 21/8/2025 bà H kiên quyết ly hôn với ông T. Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: “Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. “Hôn nhân lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;”. Xét, hôn nhân giữa bà H và ông T đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ được chấp nhận, cho bà H được ly hôn với ông T phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Theo bà H xác định, vợ chồng có 02 người con chung là Lê Huỳnh N, sinh ngày 18/7/2005 (giới tính: Nữ) và Lê Trần V, sinh ngày 17/12/2008 (giới tính: Nam).

Xét, hiện cháu N đã trưởng thành, nên bà H không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng là có căn cứ.

Đối với cháu V, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/9/2025 cháu V trên 07 tuổi, phải ghi nhận nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Theo bà H xác định, hiện cháu V đang sống chung với ông T.

Đối với ông T vắng mặt và không tham gia tố tụng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến đối với cháu V, khi ly hôn bà H đồng ý giao cháu V cho ông T nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với ông T vắng mặt nên không có cơ sở xem xét.

Xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo ổn định trong cuộc sống, cần giao cháu V cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, phù hợp khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Bà H không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Cẩm H.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Cẩm H được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần V, sinh ngày 17/12/2008 (giới tính: Nam) cho ông Lê Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 (mười tám) tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Trần Cẩm H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), trừ số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu 0011603 ngày 11/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (01b);
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- THADS tỉnh Cà Mau (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang